

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 34/CV-BMT/2024 đề ngày 28/3/2024 của Công ty TNHH MTV TMDV Sài Gòn - Buôn Ma Thuột về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của "Trung tâm Hội chợ Triển lãm và Thương mại Co.op Mart thành phố Buôn Ma Thuột" và hồ sơ giải trình, bổ sung ngày 24/4/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 132/TTr-STNMT ngày 26 / 4 /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột, địa chỉ tại số 71 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Trung tâm Hội chợ Triển lãm và Thương mại Co.op Mart thành phố Buôn Ma Thuột" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Hội chợ Triển lãm và Thương mại Co.op Mart thành phố Buôn Ma Thuột.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 71 Nguyễn Tất Thành, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số 60006611931 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 17 tháng 6 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 10 năm 2016.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 60006611931.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Diện tích sử dụng đất: 13.820m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 821659 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/2/2015).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nguy hại, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Các giấy phép môi trường thành phần gồm Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 14/GP-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh và Giấy xác nhận đã thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 1308/STNMT-BVMT ngày 04/12/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP. Buôn Ma Thuột;
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh (để biết);
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH MTV TMDV Sài Gòn – Buôn Ma Thuột (Để biết);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của Trung tâm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các gian hàng ăn uống cho thuê.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột nằm trên đường Lý Tự Trọng, thuộc địa phận phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk *(theo Công văn số 911/UBND-QLĐT ngày 04/3/2024 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận vị trí đấu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý của Trung tâm hội chợ triển lãm và thương mại Co.op Mart thành phố Buôn Ma Thuột).*

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải sau xử lý tại hố gas - kí hiệu L625428 thuộc hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột nằm trên tuyến đường Lý Tự Trọng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):* X = 0452191; Y = 1403600.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải:

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $2,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Lưu lượng xả nước thải trung bình: $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, tương đương $2,08 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được dẫn chảy về hố gas bê tông (kích thước $600 \text{ mm} \times 600 \text{ mm} \times 600 \text{ mm}$) nằm trong khuôn viên Trung tâm, sau đó được bơm theo đường ống thoát nước PVC (D60mm, dài 7m) về hệ thống thu gom, thoát nước thải của thành phố Buôn Ma Thuột nằm trên tuyến đường Lý Tự Trọng *(vị trí đấu nối được UBND thành phố Buôn Ma Thuột thỏa thuận, thống nhất tại Công văn số 911/UBND-QLĐT ngày 04/3/2024).*

2.3.2. *Chế độ xả nước thải*: Liên tục (24 giờ/ngày.đêm)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amonia (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	50		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh (nguồn số 01): được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC D114mm, D140mm (i=1%) về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải được dẫn theo hệ thống ống dẫn PVC D140mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định.

- Nước thải từ hoạt động chế biến thực phẩm, nấu ăn và hoạt động sơ chế rau củ quả, thực phẩm tươi sống tại các gian hàng ăn uống cho thuê (nguồn số

02): được thu gom qua song chắn rác, sau đó theo đường ống dẫn PVC D114mm (i=1%) về bể tách mỡ, nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ được thu gom theo tuyến ống dẫn PVC D140mm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 60 m³/ngày.đêm.

- Dung tích thiết kế: Gồm 02 bể, thể tích mỗi bể là 18 m³; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt (phát sinh từ khu bếp nấu của các gian hàng ăn uống cho thuê) → Ngăn chứa → Ngăn tách mỡ (có bố trí vách ngăn để tách mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 60 m³/ngày.đêm.

- Dung tích thiết kế: Gồm 05 bể, thể tích mỗi bể là 6,0 m³; kết cấu: xây bằng gạch, chống thấm hai lớp bên trong.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày.đêm.

- Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Hồ thu gom → Mương tách mỡ, lắng cặn phụ trợ → Bể điều hòa → Bể vi sinh hiếu khí/lắng kết hợp → Khử trùng (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, K = 1,0) trước khi dẫn về hệ thống thu gom, thoát nước chung của thành phố Buôn Ma Thuột (theo Công văn số 911/UBND-QLĐT ngày 04/3/2024 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận vị trí đầu nối nước thải sau xử lý của Trung tâm hội chợ triển lãm và Thương mại Co.op Mart thành phố Buôn Ma Thuột).

- Các hạng mục công trình của Hệ thống xử lý nước thải tập trung gồm: Hồ thu gom (kích thước 1,0m x 1,0m x 3,2m); Mương tách mỡ, lắng cặn phụ trợ (kích thước 1,0m x 9,8m x 3,2m); Bể điều hòa (kích thước 2,75m x 3,6m x 3,2m); Bể vi sinh hiếu khí/lắng kết hợp (kích thước 3,0m x 3,0m x 3,5m); Bể chứa và phân hủy bùn (kích thước 1,8m x 1,0m x 3,5m); Bồn chứa Clo (D=0,6m).

- Kết cấu các bể xử lý: Xây dựng bằng bê tông cốt thép, chống thấm theo đúng quy định.

- Hóa chất sử dụng: Clorine (hoặc các hóa chất khác tương đương để đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.2 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Trang bị đầy đủ thiết bị dự phòng (bơm dự phòng, máy thổi khí...) để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố nhằm đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn vận hành ổn định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, nhân viên vận hành phải được đào tạo, đảm bảo nắm rõ quy trình vận hành hệ thống.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, thực hiện tạm dừng hoạt động của hệ thống và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục, xử lý, không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng (công suất 630KVA);
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi từ bếp nấu tại gian hàng KFC;
- Nguồn số 03: Khí thải, mùi từ khu bếp nấu và quầy cá;
- Nguồn số 04: Khí thải, mùi từ khu chế biến bánh mì;
- Nguồn số 05: Khí thải, mùi từ bếp nấu của Lotteria & Piza Company.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi giờ 3):

- Nguồn số 01: X = 0452254; Y = 1403737.
- Nguồn số 02: X = 0452281; Y = 1403678.
- Nguồn số 03: X = 0452163; Y = 1403672.
- Nguồn số 04: X = 0452167; Y = 1403695.
- Nguồn số 05: X = 0452189; Y = 1403705.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói máy phát điện; lưu lượng xả thải không xác định; chỉ xả khi máy phát điện hoạt động.
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi từ ống khói thải tại gian hàng KFC, lưu lượng xả tối đa là $3.000\text{m}^3/\text{giờ}$; chỉ xả khi gian hàng hoạt động.
- Nguồn số 03: Khí thải, mùi từ ống khói thải tại khu bếp nấu và quầy cá, lưu lượng xả tối đa là $3.000\text{m}^3/\text{giờ}$; chỉ xả khi gian hàng hoạt động.
- Nguồn số 04: Khí thải, mùi từ ống khói thải tại khu chế biến bánh mì, lưu lượng xả tối đa là $3.000\text{m}^3/\text{giờ}$; chỉ xả khi gian hàng hoạt động.
- Nguồn số 05: Khí thải, mùi từ bếp nấu của Lotteria & Piza Company, lưu lượng xả tối đa là $3.000\text{m}^3/\text{giờ}$; chỉ xả khi gian hàng hoạt động.

2.3. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 01: Xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).
- Nguồn số 02, 03, 04, 05: Xả gián đoạn (chỉ xả khi các gian hàng có hoạt động).

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc khí thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nguồn số 01) được thoát theo đường ống dẫn khí lắp đặt đi kèm theo máy, sau đó xả ra ngoài môi trường qua ống xả.

Khí thải từ các nguồn phát sinh (số 02, 03, 04, 05) được hút theo quạt hút (công suất thiết kế 3.000m³/giờ) và dẫn xả ra môi trường qua ống xả.

1.2. Công trình, thiết bị thu gom, thoát khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (phát sinh từ các nguồn số 02, 03, 04, 05) → Quạt hút → Ống khói → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành máy phát điện dự phòng theo đúng quy trình hướng dẫn của nhà sản xuất. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả hoạt động của máy phát điện dự phòng, nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ, bảo dưỡng, thay thế quạt hút trong

trường hợp xảy ra hư hỏng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xả khí thải của cơ sở.

3.3. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Buôn Ma Thuột chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn do hoạt động của máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn do hoạt động của quạt hút tại khu vực bếp nấu của gian hàng KFC;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn do hoạt động của quạt hút tại khu bếp nấu và quầy cá;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn do hoạt động của quạt hút tại khu chế biến bánh mì;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn do hoạt động của quạt hút tại bếp nấu của Lotteria & Piza Company.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: X = 0452254; Y = 1403737.
- Nguồn số 02: X = 0452281; Y = 1403678.
- Nguồn số 03: X = 0452163; Y = 1403672.
- Nguồn số 04: X = 0452167; Y = 1403695.
- Nguồn số 05: X = 0452189; Y = 1403705.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

QCVN 24:2016/BYT	QCVN 26:2010/BTNMT		
≤ 85 dBA	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 dBA	Từ 21 giờ - 6 giờ: 55 dBA	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy phát điện, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, các điểm tiếp xúc giữa chân máy phát điện và sàn đặt máy được kê đệm cao su và lò xo chống rung để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.
- Sử dụng máy phát điện, quạt hút khí thải đúng công suất, không vận hành quá tải.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ tra dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng, vệ sinh cánh quạt hút khí thải để đảm bảo động cơ của quạt hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	8
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	62
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	115
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	16 01 13	79
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	16
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	10
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	5
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	5
9	Bao bì cứng thải nhựa	18 01 03	5
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composite...)	18 01 04	3
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	10,5
Tổng cộng:			318,5

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Trung tâm bao gồm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (bao bì ni lông, hộp nhựa, vỏ chai, bìa carton...), chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả...) và chất thải rắn

sinh hoạt khác (găng tay cao su, đồ bằng gốm, sứ, thủy tinh bị vỡ...). Tổng khối lượng phát sinh khoảng 1.040 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

CTNH được lưu chứa trong các thùng chứa (dung tích 30 lít và 200 lít) có nắp đậy kín, không rò rỉ, được dán mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng kho lưu chứa tạm thời CTNH có diện tích là 8,0 m².

- Quy cách: Kho lưu giữ CTNH được xây kín, có nền bê tông, có dán biển cảnh báo theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, bố trí các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn hóa chất.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Hồ Chí Minh để thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định với tần suất là 1 lần/năm (*Theo hợp đồng dịch vụ số 104/HĐ.MTĐT-CO.OP.NH/23.41.VX ngày 01/03/2023*).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa (loại 15-25 lít, có nắp đậy kín) trong các khu vực quầy hàng, đường nội bộ trong khuôn viên Trung tâm để thu gom chất thải rắn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt theo quy định.

Cuối mỗi ngày, nhân viên vệ sinh sẽ vận chuyển chất thải về khu vực lưu chứa tạm thời tại phía Tây Nam Trung tâm, bên trong bố trí 08 thùng chứa loại 240 lít, có nắp đậy kín để lưu chứa tạm thời chất thải trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt (diện tích 5,76 m²), tại vị trí phía Tây Nam của Trung tâm, gần cổng ra vào trên đường Lý Tự Trọng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Tường xây gạch, trát vữa, quét sơn; nền trát xi măng chống thấm; có mái che.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt không có khả năng tái sử dụng, tái chế được hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Đông Phương để thu gom, vận chuyển đi xử lý (theo hợp đồng số 10/2024/HĐ-DV ngày 31/12/2023), tần suất thu gom là 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế sẽ được thu gom và hợp đồng với Hộ kinh doanh Đoàn Văn Lãm (theo hợp đồng số 01/HĐNT/2023 ngày 01/01/2023), tần suất thu gom tùy theo lượng chất thải phát sinh.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

3. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Buôn Ma Thuột có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sản xuất phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý chặt chẽ để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.